TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HS-ST
Ngày 26-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà*;*

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mùa Thị Máy và ông Vũ Công Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Lường Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn U, sinh ngày 15/3/1979; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản B, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn Ph, sinh năm 1952 và bà Hoàng Thị X, sinh năm 1954; có vợ Hà Thị N, sinh năm 1983 (đã ly hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2018 đến nay; có mặt tại phiên toà.

2. Lèo Văn P, sinh ngày 19/4/1970; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 7/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lèo Văn Kh (đã chết) và bà Hà Thị H, sinh năm 1925; có vợ Vì Thị D, sinh năm 1973 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 12/4/2004 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", ngày 17/01/2015 bị Công an huyện M phạt hành chính 1.500.000VNĐ về hành vi "Đánh bạc trái phép"; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2018 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Lò Văn Th, sinh năm 1987, nơi cư trú: bản B, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 41 phút, ngày 06/7/2018 Lò Văn U gọi điện cho Lèo Văn P, U hỏi "anh có hàng bán không?" P trả lời "có vừa đi lấy về sang lấy luôn không?" U nói "để mai em sang lấy"; khoảng 8 giờ ngày 07/7/2018 U lấy xe máy Win biển kiểm soát (BKS) 26F9-xx98 của Lò Văn Th bị hỏng ra tự sửa rồi điều khiển đến nhà P. Tại đây, P chia ma túy ra bán cho U lấy số tiền 2.000.000VNĐ, còn lại một phần ma túy P cất giữ; U nhận ma túy rồi ra về, đến bản L, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La thì bị Tổ công tác Công an huyện B cùng Ban Công an xã P làm nhiệm vụ kiểm tra phát hiện thu giữ: 01 gói nilon màu hồng bên trong có 05 gói nilon màu hồng chứa chất bột màu trắng, 01 gói nilon màu hồng bên trong có 05 viên nén hình tròn màu hồng trong túi quần bên phải, U khai nhận là ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel; 01 chiếc xe máy Win BKS 26F9-xx98 và số tiền 2.480.000VNĐ. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, hồi 10 giờ ngày 07/7/2018, niêm phong toàn bộ vật chứng để xử lý. Ngày 10/7/2018 tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lèo Văn P, P tự lấy ra và giao nộp: 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng và 02 viên nén màu hồng, P khai nhận là ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia. Tổ công tác niêm phong toàn bộ vật chứng để xử lý. Lèo Văn P khai về nguồn gốc chất bột màu trắng và viên nén màu hồng (ma túy) là do người đàn ông dân tộc Mông không biết tên địa chỉ mua hộ ngày 06/7/2018, mục đích sử dụng và bán cho U kiếm lời.

Ngày 08/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Phòng PC54 Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn U, như sau: Chất bột màu trắng trong gói nilon màu hồng thứ nhất có khối lượng: 2,5031 gam, tách ra 0,1719 gam, ký hiệu M1 làm mẫu gửi giám định, còn lại 2,3312 gam, ký hiệu là C1 lưu kho vật chứng. Chất bột màu trắng trong gói nilon màu hồng thứ hai có khối lượng: 2,4219 gam, tách ra 0,1307 gam, ký hiệu M2 làm mẫu gửi giám định, còn lại 2,2912 gam, ký hiệu là C2 lưu kho vật chứng. Chất bột màu trắng trong gói nilon màu hồng thứ ba có khối lượng: 2,4648 gam, tách ra 0,1663 gam, ký hiệu M3 làm mẫu gửi giám định, còn lại 2,2985 gam, ký hiệu là C3 lưu kho vật chứng. Chất bột màu trắng trong gói nilon màu hồng thứ bốn có khối lượng: 2,3757 gam, tách ra 0,1722 gam, ký hiệu M4 làm mẫu gửi giám định, còn lại 2,2035 gam, ký hiệu là C4 lưu kho vật chứng. Chất bột màu trắng trong gói nilon màu hồng thứ năm có khối lượng: 0,726 gam, tách ra 0,1146 gam, ký hiệu M5 làm mẫu gửi giám định, còn lại 0,6114 gam, ký hiệu là C5 lưu kho vật chứng. Số viên nén màu hồng trong gói nilon màu hồng có khối lượng là 0,5251 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định ký hiệu là M6.

Ngày 10/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Phòng PC54 Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong

cân tịnh tách bì, xác định trọng lượng (khối lượng) và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt khẩn cấp Lèo Văn P, như sau: Chất bột màu trắng trong gói nilon màu trắng có khối lượng: 0,1407 gam, tách ra 0,0296 gam, ký hiệu A1 làm mẫu gửi giám định, còn lại 0,1111 gam, ký hiệu là K1 lưu kho vật chứng. Số viên nén màu hồng trong gói nilon màu trắng có khối lượng là 0,2001 gam, tách ra 0,1030 gam, ký hiệu A2 làm mẫu gửi giám định, còn lại 0,0971 gam, ký hiệu là K2 lưu kho vật chứng.

Ngày 24/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B thực hiện mở niêm phong kiểm kê loại, mệnh giá, số seri (mã hiệu) số tiền 2.480.000VNĐ; toàn bộ số tiền được gửi giám đinh.

Ngày 13/7/2018 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 876, kết luận: "Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 là ma túy; Loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là M1 = 0,1719 gam, M2= 0,1307, M3 = 0,1663 gam, M4 = 0,1722 gam, M5 = 0,1146 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu M6 là ma túy; Loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,5251 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,5251 gam loại Methamphetamine và 10,4915 gam loại Heroine".

Ngày 13/7/2018 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 888, kết luận: "Mẫu vật gửi giám định ký hiệu A1 là ma túy; Loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,0296 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu A2 là ma túy; Loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,1030 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,2001 gam loại Methamphetamine và 0,1407 gam loại Heroine".

Ngày 31/7/2018 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có kết luận giám định số 343, Kết luận: Số tiền 2.480.000VNĐ là tiền thật.

Theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hai chất ma túy Heroine và Methamphetamine thu giữ của Lò Văn U và Lèo Văn P được quy định trong cùng một điểm (điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015) nên khối lượng chất ma túy cộng lại là 11,3574 (Mười một phảy ba năm bảy bốn) gam, trong đó: tổng khối lượng ma túy Lò Văn U tàng trữ trái phép là: 11,0166 gam (10,4915 gam Heroine và 0,5251 gam Methamphetamine); tổng khối lượng ma túy mà Lèo Văn P bán cho Lò Văn U và tàng trữ là: 11,0166 gam + 0,3408 gam = 11,3574 gam.

Đối với người phụ đàn ông dân tộc Mông bán trái phép chất ma túy cho Lèo Văn P Cơ quan chức năng đã xác minh nhưng không có cơ sở để điều tra.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKS-BY ngày 08/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố: bị cáo Lò Văn U về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Lèo Văn P tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà bị cáo U khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy nên đã mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị bắt như cáo trạng đã nêu; bị cáo P khai nhận do nghiện ma túy nên đã mua ma túy cất giữ, mục đích để bán kiếm lời và sử dụng cho bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B luận tội và tranh luận: đề nghị tuyến bố bị cáo Lò Văn U phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo Lèo Văn P phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lò Văn U từ 06 năm đến 07 năm tù; tịch thu số tiền 2.480.000VNĐ đối với bị cáo U. Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lèo Văn P từ 08 năm đến 09 năm tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm a, b, c khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu và tiêu hủy của Lò Văn U: 2,3312 gam Heroine ký hiệu là C1; 2,2912 gam Heroine ký hiệu là C2; 2,2985 gam Heroine ký hiệu là C3; 2,2035 gam Heroine ký hiệu là C4; 0,6114 gam Heroine ký hiệu là C5; 02 phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu và 07 mảnh nilon màu hồng. Tịch thu và tiêu hủy của Lèo Văn P: 0,1111 gam Heroine ký hiệu là K1 và 0,0971 gam Methamphetamine ký hiệu là K2; 01 phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu và 01 mảnh nilon màu trắng. Tịch thu sung quy Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel và sim số 0982 642 631 của Lò Văn U; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và sim số 01657 062 939 của Lèo Văn P. Truy thu và tịch thu của Lèo Văn P số tiền 2.000.000VNĐ (Hai triệu đồng) sung quỹ Nhà nước. Trả lại Lò Văn Th: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, Win BKS 26F9 – xx98. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí cho các bị cáo.

Bị cáo Lò Văn U và Lèo Văn P tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng sự khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Đương sự Lò Văn Th vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy lời khai có trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về chứng cứ xác đinh hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà là thống nhất, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: Lèo Văn P đã cất giấu, cất giữ trái phép chất ma túy tại nhà của mình ở bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; đến 15 giờ 41 phút, ngày 06/7/2018 thì Lò Văn U gọi điện cho P thống nhất việc mua bán trái phép chất ma túy; như đã hẹn khoảng 8 giờ ngày 07/7/2018 U điều khiển xe máy Win BKS 26F9-xx98 của Lò Văn Th đến nhà P. Tại đây, P chia ma túy ra bán cho U một phần được số tiền 2.000.000VNĐ, số còn lại P tiếp tục cất giữ, U nhận và cất ma túy vào túi quần đang mặc rồi ra về thì bị phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 10 giờ ngày 07/7/2018; tiến hành giữ người và khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lèo Văn P thu giữ số ma túy còn lại P đã cất giữ. Tại kết luận giám định số 876, ngày 13/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, Kết luận: "Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 là ma túy; Loại Heroine. Mẫu gửi giám định ký hiệu M6 là ma túy; Loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,5251 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 10,4915 gam loại Heroine và 0,5251 gam loại Methamphetamine" và tại kết luận giám đinh số 888, ngày 13/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, Kết luận: "Mẫu vật gửi giám định ký hiệu A1 là ma túy; Loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,0296 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu A2 là ma túy; Loại Methamphetamine. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,1407 gam loại Heroine và 0,2001 gam loại Methamphetamine ". Như vậy, Lò Văn U và Lèo Văn P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, U đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giấu, cất giữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân, còn P đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giấu, cất giữ trái phép chất ma túy để sử dụng và bán trái phép chất ma túy kiếm lời là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, có đủ yếu tố cầu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Văn U phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo Lèo Văn P phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo U trực tiếp mua và cất giấu, cất giữ hai chất ma túy (Heroine và Methamphetamine) có tổng khối lượng là 11,0166 gam, tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 "g) Heroine, Methamphetamine... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam" đã phạm tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: "1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này".

Bị cáo P trực tiếp cất giấu, cất giữ và bán hai chất ma túy (Heroine và Methamphetamine) có tổng khối lượng là 11,3574 gam, tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 "i) Heroine, Methamphetamine... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam" đã phạm tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: "1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: p) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này".

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: các bị cáo U, P đã được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, vận động, cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma tuý nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vì nghiện ma túy các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Tội phạm các bị cáo thực hiện là độc lập nhưng có mối quan hệ nhân quả với nhau trong đó Lèo Văn P là người vừa cất giấu cất giữ trái phép chất ma túy vừa bán trái phép chất ma túy một lần cho Lò Văn U nhằm mục đích tư lợi cá nhân, kiếm lời, còn Lò Văn U dùng tiền mua và cất giữ trái phép ma túy để sử dụng là tiếp tay cho hành vi phạm tội của P. Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý; với lỗi cố ý trực tiếp các bị cáo đã mua bán, cất giấu, cất giữ hai chất ma túy có tổng khối lượng nêu trên là hành vi phạm tội rất nghiêm trọng không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động do nghiện ma túy và kinh tế của gia đình bị cáo mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an của địa phương, xã hội, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo U, P phạm tội, đề nghị phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: các bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (các bị cáo chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt); bị cáo U khi bị bắt quả tang đã khai ra hành vi phạm tội của P, bị cáo P khi bị khám xét đã tự giác lấy ma túy giao nộp là tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong

việc phát hiện tội phạm. Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo là người dân lao động, dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật rất hạn chế, bị cáo P là con của người có công (ông Lèo Văn Kh là bố đẻ của P đã được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba) cần xem xét giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nhân thân: các bị cáo không có tiền án, tiền sự (bị cáo P đã được xóa án tích) nhưng là đối tượng nghiện ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), chính quyền địa phương xác định U và P không chấp hành quy định của địa phương, không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[7] Theo biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định số tiền 2.480.000VNĐ là tài sản của bị cáo U nên áp dụng Điều 45; khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt bổ sung là tịch thu số tiền 2.480.000VNĐ sung quỹ Nhà nước.

[8] Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 bị cáo P có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo P.

[9] Về biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[10] Đối với đối với người bán trái phép chất ma túy cho Lèo Văn P, Cơ quan chức năng đã xác minh nhưng không có cơ sở chứng minh, xử lý.

[11] Vật chứng của vụ án:

Cơ quan chức năng đã đưa đi giám định 0,7853 gam Heroine và 0,6281 gam Methamphetamine, không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đã niêm phong, lưu kho vật chứng: 2,3312 gam Heroine ký hiệu là C1; 2,2912 gam Heroine ký hiệu là C2; 2,2985 gam Heroine ký hiệu là C3; 2,2035 gam Heroine ký hiệu là C4 và 0,6114 gam Heroine ký hiệu là C5 thu giữ của Lò Văn U. 0,1111 gam Heroine ký hiệu là K1 và 0,0971 gam Methamphetamine ký hiệu là K2 thu giữ của Lèo Văn P còn lại là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel và sim số 0982 642 xxx của Lò văn U; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và sim số 01657 062 xxx của Lèo Văn P là tài sản của các bị cáo đã sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

02 vỏ phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu và 07 mảnh nilon màu hồng của U; 01 vỏ phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu và 01 mảnh nilon màu trắng của P là vật dụng các bị cáo sử dụng cất giữ trái phép chất ma túy, vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 xe máy nhãn hiệu HONDA, Win BKS 26F9 – xx98 là tài sản của anh Lò Văn Th, anh Th không biết việc bị cáo U đã sử dụng khi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với số tiền 2.000.000VNĐ bị cáo Lèo Văn P đã bán trái phép chất ma túy cho Lò Văn U có được là số tiền do phạm tội mà có, bị cáo P đã chi tiêu cá nhân nên cần phải truy thu và tịch thu sung quỹ Nhà nước, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[12] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo U là hộ nghèo, tại phiên tòa các bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm n khoản 2, 5 Điều 249; Điều 38; Điều 45; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm a, c khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Lò Văn U.

Căn cứ vào điểm p khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Lèo Văn P.

1. Tuyên bố: bị cáo Lò Văn U phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo Lèo Văn P phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt:

Bị cáo Lò Văn U 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (07/7/2018); tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.480.000VNĐ (Hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) của bị cáo U (số tiền đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

Bị cáo Lèo Văn P 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (10/7/2018); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy của Lò Văn U: 2,3312 gam Heroine ký hiệu là C1; 2,2912 gam Heroine ký hiệu là C2; 2,2985 gam Heroine ký hiệu là C3; 2,2035 gam Heroine ký hiệu là C4; 0,6114 gam Heroine ký hiệu là C5; 02 phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu và 07 mảnh nilon màu hồng.

Tịch thu và tiêu hủy của Lèo Văn P: 0,1111 gam Heroine ký hiệu là K1 và 0,0971 gam Methamphetamine ký hiệu là K2; 01 phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu và 01 mảnh nilon màu trắng.

Tịch thu sung quy Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel và sim số 0982 642 xxx của Lò Văn U; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và sim số 01657 062 xxx của Lèo Văn P.

Truy thu và tịch thu của Lèo Văn P số tiền 2.000.000VNĐ (Hai triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Trả lại Lò Văn Th: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, Win BKS 26F9 – xx98.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/11/2018 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn U và Lèo Văn P.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B (CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoà